

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **02/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 18/01/2024

“*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

2. Ông **Lê Đức Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 548/2023/TLST- HNGĐ ngày 04/12/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/01/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh **Trần Duy T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: **tổ E, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.**

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn anh **Trần Duy T** trình bày:*

Anh và chị **Nguyễn Thị Thúy V** trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai** vào ngày 04/12/2014. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh **T** trình bày: do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do cuộc sống hôn nhân của anh và anh **V** không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị **V**.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là **Trần Ngọc Anh T1**, sinh ngày 10/7/2019, hiện tại đang sinh sống cùng với chị **V**. Khi ly hôn anh yêu cầu giao cháu **T1** cho chị **V** là người trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **T1** với mức 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn chị **Nguyễn Thị Thúy V**, nhưng chị **V** vẫn vắng mặt.*

Tuy nhiên, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị **V** gửi qua đường bưu điện ngày 08 tháng 01 năm 2024 thể hiện chị đồng ý với mức anh **T** cấp dưỡng cho cháu **T1** 3.000.000 đồng/tháng nhưng chị yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho cháu **Thư** từ tháng 05 năm 2023.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì ông **Nguyễn Văn Y** - là cha ruột của chị **V** cho biết: chị **V** và anh **T** có thiết lập quan hệ vợ chồng với nhau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị chung sống cùng với gia đình anh **T** tại **T**. Tuy nhiên hơn một năm nay chị **V** chuyển về sinh sống cùng với gia đình ông tại **Sông R** do giữa chị **V** và anh **T** phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau và cháu **T1** hiện do chị **V** là người đang trực tiếp nuôi dưỡng.*

* *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh **T** và chị **V** ly hôn; Về con chung: giao cháu **Trần Ngọc Anh T1**, sinh ngày 10/7/2019 cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **T1** với mức 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi. Về thời điểm cấp dưỡng: chị **V** yêu cầu tính thời điểm anh **T** cấp dưỡng cho cháu **Thư** từ tháng 05/2023, tuy nhiên theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh sau khi hai vợ chồng ly hôn nên không xem xét yêu cầu của chị **V**. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh **Trần Duy T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị **Nguyễn Thị Thúy V**, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị **Nguyễn Thị Thúy V** có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: **ấp G, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai**, căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh **Trần Duy T** và bị đơn chị **Nguyễn Thị Thúy V** có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh **Trần Duy T** và chị **Nguyễn Thị Thúy V** đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai** vào ngày 04/12/2014 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 188/2014 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh **T** nhận thấy:

Theo trình bày của anh **T** thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị **V**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để chị **V** trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng chị **V** vẫn vắng mặt, điều này thể hiện chị **V** không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời qua lời trình bày của ông **Nguyễn Văn Y** - là cha ruột của chị **V** thì thấy: giữa anh **T** và chị **V** có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, anh **T** vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với chị **V**. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh **T** được ly hôn với chị **V**.

[6] Về con chung: Khi ly hôn anh **T** yêu cầu giao cháu **Trần Ngọc Anh T1**, sinh ngày 10/7/2019 cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại cháu **T1** đang sống cùng với chị **V**. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu **T1** thì thấy giao cháu **T1** cho chị **V** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận giao cháu **T1** cho chị **V** sẽ là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh **T** và chị **V** thống nhất hàng tháng anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **T1** với mức 3.000.000 đồng. Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Về thời điểm cấp dưỡng: chị **V** yêu cầu tính thời điểm anh **T** cấp dưỡng cho cháu **T1** từ tháng 05/2023. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ phát sinh sau khi chị **V** và anh **T** đã ly hôn nên không xem xét yêu cầu của chị **V**.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: anh **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do chị **V** vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh **T** phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc áp giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Trần Duy T**.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh **Trần Duy T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Thúy V**.

- Về con chung: Giao con chung **Trần Ngọc Anh T1**, sinh ngày 10/7/2019 cho chị **Nguyễn Thị Thúy V** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **T1** với mức 3.000.000đ (*ba triệu*) đồng/tháng.

Kể từ ngày có đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

Anh **T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết chị **V** và anh **T** được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: anh **Trần Duy T** phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST và phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh **T** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0011759 ngày 04/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Anh **T** còn phải nộp thêm 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Sông Ray;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên